

Số: 27/NQ-HĐND

Gia Sàng, ngày 08 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh một số chỉ tiêu
phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 phường Gia Sàng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG GIA SÀNG
KHÓA IX, NHIỆM KỲ 2026 - 2031

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về điều chỉnh một số mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tỉnh Thái Nguyên năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ phường Gia Sàng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Căn cứ Quy chế làm việc số 06-QC/ĐU ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ phường Gia Sàng khóa I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 (sửa đổi, bổ sung);

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Gia Sàng về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026;

Căn cứ Quyết định 1028/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Gia Sàng về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 phường Gia Sàng;

Xét Tờ trình số 108/TTr-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Gia Sàng về việc đề nghị điều chỉnh một số chỉ tiêu phát triển

kinh tế - xã hội năm 2026 phường Gia Sàng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân phường Gia Sàng và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 đã giao theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Gia Sàng về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, cụ thể như sau:

(Có Phụ lục các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội điều chỉnh kèm theo).

Các nội dung khác giữ nguyên theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Gia Sàng về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Gia Sàng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân phường Gia Sàng tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân phường, hai Ban của Hội đồng nhân dân phường, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phường và đại biểu Hội đồng nhân dân phường giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường Gia Sàng khóa IX, nhiệm kỳ 2026-2031, Kỳ họp thứ hai (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 08 tháng 5 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (Báo cáo);
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh (Báo cáo);
- Ủy ban nhân dân tỉnh (Báo cáo);
- Thường trực Đảng ủy phường (Báo cáo);
- Thường trực HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam phường;
- Các Ban Hội đồng nhân dân phường;
- Các đại biểu HĐND phường khóa IX;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND phường;
- Văn phòng HĐND và UBND phường;
- Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp phường;
- Các Tổ dân phố trên địa bàn phường;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Lực

Phụ lục

**CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
NĂM 2026 PHƯỜNG GIA SÀNG ĐIỀU CHỈNH**

TT các chỉ tiêu đã giao	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu năm 2026 đã giao	Chỉ tiêu sau điều chỉnh	Ghi chú
1	Tốc độ tăng thu ngân sách địa phương (<i>không bao gồm thu tiền sử dụng đất, thu từ xổ số kiến thiết, thuế tối thiểu toàn cầu</i>)	%	18	≥ 12	
2	Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn	%	$\geq 10,5$	$\geq 11,5$	
3	Sản lượng lương thực có hạt	Tấn	6.600	6.610	
4	Sản lượng chè búp tươi	Tấn	75	-	
5	Tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo				
	- Tỷ lệ hộ nghèo	%	$< 0,25$	-	
	- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	0,10	0,10	Bổ sung
6	Tỷ lệ Trạm Y tế đạt tiêu chí chuẩn quốc gia về y tế <i>Đề nghị điều chỉnh: Duy trì phường đạt chuẩn quốc gia về Y tế</i>	Trạm	4/4	01	
7	Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sinh hoạt				
	Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch đạt chuẩn theo quy định tại thành thị	%	100	96	
8	Quốc phòng quân sự				
	- Thực hiện giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng theo quy định	%	28,33	100	